

Số: /2023/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

## THÔNG TƯ

### **Hướng dẫn về lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án; phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư công trình dịch vụ chuyên ngành giao thông đường bộ.**

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 10 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục đường bộ Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn về lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án; phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư công trình dịch vụ chuyên ngành giao thông đường bộ.*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án; phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư công trình dịch vụ chuyên ngành giao thông đường bộ tại các dự án do Bộ Giao thông vận tải quản lý, bao gồm:

1. Công trình Trạm dừng nghỉ;
2. Các công trình phụ trợ khác trên đường bộ phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Giao thông đường bộ.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư công trình dịch vụ chuyên ngành giao thông đường bộ.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan quản lý đường bộ là Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam.
2. Cơ quan có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải.

#### **Điều 4. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư**

1. Các công trình dịch vụ chuyên ngành giao thông đường bộ áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi quốc tế khi đáp ứng quy định tại Điều 15 Luật Đấu thầu.

2. Các công trình dịch vụ chuyên ngành giao thông đường bộ áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước trong trường hợp:

a) Dự án thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Dự án có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, trong đó không có nhà đầu tư nước ngoài tham gia đăng ký thực hiện dự án hoặc đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

c) Dự án có yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Cơ quan có thẩm quyền và ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng đối với yêu cầu bảo đảm quốc phòng hoặc ý kiến thống nhất của Bộ Công an đối với yêu cầu bảo đảm an ninh.

#### **Điều 5. Các quy định chung trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư**

1. Việc bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu, đăng tải thông tin về đấu thầu, thời gian đăng tải thông tin về đấu thầu, thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Nghị định

số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 và Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021.

2. Việc lưu trữ thông tin trong đấu thầu, Tổ chuyên gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020.

## **Chương II**

### **LẬP, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ DANH MỤC DỰ ÁN**

#### **Điều 6. Căn cứ lập danh mục dự án**

Việc xây dựng danh mục dự án để công bố căn cứ vào sự cần thiết phải đầu tư xây dựng và phù hợp với một trong các quyết định (nếu có) sau:

1. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ.

2. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ.

3. Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án trong đó có công trình dịch vụ chuyên ngành đường bộ cần thực hiện.

#### **Điều 7. Hồ sơ trình danh mục dự án**

1. Cơ quan quản lý đường bộ lập danh mục dự án, trình Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

2. Hồ sơ trình danh mục dự án bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt danh mục dự án;

b) Nội dung danh mục dự án bao gồm: tên dự án; mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư; sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (m1); phương án huy động vốn; thời hạn, tiến độ đầu tư; thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, dự kiến nhu cầu sử dụng đất; yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các văn bản có liên quan (nếu có).

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt danh mục dự án (bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư).

#### **Điều 8. Công bố danh mục dự án**

1. Cơ quan quản lý đường bộ đăng tải danh mục dự án (bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư) trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu theo quy định tại các điểm i, điểm 1 khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu làm cơ sở xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

2. Nội dung công bố danh mục dự án bao gồm:

a) Tên dự án; mục tiêu, quy mô đầu tư; sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án; tóm tắt các yêu cầu cơ bản của dự án; thời hạn, tiến độ đầu tư; thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; diện tích khu đất; hiện trạng khu đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt;

b) Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư;

c) Thời hạn để nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án;

d) Địa chỉ, số điện thoại, số fax của Cơ quan quản lý đường bộ;

đ) Các thông tin khác (nếu cần thiết).

### **Điều 9. Chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án**

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia căn cứ nội dung thông tin được công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư này. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: văn bản đăng ký thực hiện; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án, Cơ quan quản lý đường bộ tổ chức đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

### **Điều 10. Đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư**

1. Căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, Cơ quan quản lý đường bộ báo cáo Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc tổ chức thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo một trong hai trường hợp sau:

a) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Cơ quan quản lý đường bộ ra quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này và giao Cơ quan quản lý đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này;

b) Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, căn cứ tiến độ thực hiện dự án, mục tiêu thu hút đầu tư cũng như các điều kiện cụ thể khác của dự án, Cơ quan quản lý đường bộ xem xét gia hạn thời gian đăng ký thực hiện dự án. Việc gia hạn và thời gian gia hạn cần nhắc để đủ thời gian cần thiết cho các nhà đầu tư tiềm năng khác có cơ hội tiếp cận thông tin và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án nhằm tăng tính cạnh tranh, minh bạch, công bằng và hiệu quả. Nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu không phải nộp lại hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Sau khi gia hạn, trường hợp có thêm nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Trường hợp không có thêm nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

2. Cơ quan quản lý đường bộ đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc thông báo kết thúc thủ tục công bố danh mục dự án trong trường hợp không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm.

## **Điều 11. Chấp thuận Nhà đầu tư**

1. Cơ quan quản lý đường bộ tổ chức lập và phê duyệt hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó bao gồm việc xác định chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án (m2), giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3) theo quy định tại Điều 16, Điều 17 của Thông tư này.

2. Hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư được phát hành cho nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm. Nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư theo các nội dung của hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư.

3. Cơ quan quản lý đường bộ tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư. Trong quá trình đánh giá, Cơ quan quản lý đường bộ có thể mời nhà đầu tư đến làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

4. Nhà đầu tư được chấp thuận khi đáp ứng đầy đủ các nội dung của hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư.

5. Căn cứ kết quả chấm thầu của Bên mời thầu, Cơ quan quản lý đường bộ phê duyệt kết quả chấp thuận nhà đầu tư đáp ứng quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư.

## **Chương III**

### **KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 12. Lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư**

1. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư:

a) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư) hoặc Quyết định phê duyệt danh mục dự án (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư);

b) Quyết định phê duyệt áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi;

c) Các văn bản có liên quan (nếu có).

2. Trên cơ sở các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Bên mời thầu trình Cơ quan quản lý đường bộ phê duyệt. Hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:

a) Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, trong đó nêu tóm tắt về quá trình thực hiện và các nội dung kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

b) Bảng theo dõi tiến độ các hoạt động trong lựa chọn Nhà đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Tài liệu kèm theo, trong đó bao gồm các bản chụp làm căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 13. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư**

1. Tên dự án.
2. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dự kiến (nếu có) hoặc chi phí giải phóng mặt bằng thu hồi đất của dự án đã được Nhà nước chi trả.
3. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà đầu tư
  - a) Hình thức lựa chọn nhà đầu tư là đấu thầu rộng rãi;
  - b) Xác định rõ phương thức lựa chọn nhà đầu tư là một giai đoạn một túi hồ sơ hoặc một giai đoạn hai túi hồ sơ theo quy định tại Điều 28 hoặc Điều 29 của Luật Đấu thầu.
4. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư được tính từ khi phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, được ghi rõ theo tháng hoặc quý trong năm.
5. Loại hợp đồng.
6. Thời gian thực hiện hợp đồng là số năm hoặc tháng tính từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực đến thời điểm các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

### **Điều 14. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư**

Cơ quan quản lý đường bộ tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.

## **Chương IV**

### **ĐẤU THẦU RỘNG RÃI LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

#### **Mục 1**

#### **QUY TRÌNH CHI TIẾT**

#### **Điều 15. Quy trình chi tiết**

Quy trình chi tiết đấu thầu rộng rãi nhà đầu tư thực hiện tương tự như đối với quy trình đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại Điều 46 của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

#### **Mục 2**

#### **CHUẨN BỊ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 16. Xác định sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất (m2)**

1. Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền để xác định sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (m2) đối với các dự án chưa giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp mặt bằng đã được Nhà nước thu hồi hoàn toàn trước khi mời thầu lựa chọn Nhà đầu tư thì giá trị (m2) được xác định bằng giá trị giải phóng mặt bằng Nhà nước đã chi trả. Nhà đầu tư trúng thầu có trách nhiệm hoàn trả lại chi phí này cho Nhà nước theo thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Chi phí sơ bộ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của phần diện tích đất cần giải phóng mặt bằng (m2) được xác định trên cơ sở quy định tại điểm i khoản 2 Điều 47 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020.

### **Điều 17. Xây dựng giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3)**

1. Cơ quan quản lý đường bộ chịu trách nhiệm lập phương án xây dựng giá trị (m3) trên cơ sở thông tin do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền của các địa phương cung cấp theo hướng dẫn tại khoản 3 Mục 1 Phụ lục VIII Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất (sau đây gọi là Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT).

2. Giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3) được xác định theo công thức như sau:

$$m3 = n \times (m : 49)$$

Trong đó:

n: thời gian khai thác dự án dự kiến mời thầu được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

m: giá sàn nộp ngân sách nhà nước đối với dự án có thời hạn thuê đất 49 năm, được tính theo công thức quy định tại điểm k khoản 2 Điều 47 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP và Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT.

Trường hợp không xác định khu đất, quỹ đất tham chiếu theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT hoặc trường hợp đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi thực hiện dự án không có khu đất, quỹ đất đáp ứng điều kiện tương đồng về địa điểm, Cơ quan quản lý đường bộ căn cứ Mục 5 Phụ lục VIII Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT xem xét, quyết định phương pháp xác định phạm vi, khu vực để lựa chọn các khu đất, quỹ đất tham chiếu và hệ số k phù hợp. Đối với trường hợp này, tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu phải thuyết minh chi tiết về cách thức xác định khu đất, quỹ đất tham chiếu và tương đồng, các thông số đầu vào tương ứng với phương pháp được chọn và lý do đề xuất để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

Việc xác định (m3) cần căn cứ quy định của Luật Đất đai và các văn bản liên quan để xác định loại đất tương ứng với công trình dịch vụ mời thầu.

Giá trị (m3) được xác định mang tính tương đối, là căn cứ để nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước và độc lập với tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Trường hợp Cơ quan quản lý đường bộ không có đủ cơ sở để xác định giá trị (m<sup>3</sup>) thì xem xét và quyết định việc lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực kinh nghiệm, chuyên môn để xác định giá trị (m<sup>3</sup>).

### **Điều 18. Lập hồ sơ mời thầu**

#### 1. Căn cứ lập hồ sơ mời thầu

a) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư) hoặc Quyết định phê duyệt danh mục dự án (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư);

b) Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư;

c) Quy định hiện hành của pháp luật về chuyên ngành đường bộ, đất đai, đầu tư, xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Bên mời thầu tổ chức lập hồ sơ mời thầu trình Cơ quan quản lý đường bộ thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu. Trường hợp lựa chọn Nhà thầu tư vấn để thực hiện lập hồ sơ mời thầu phải đảm bảo cạnh tranh trong đấu thầu theo các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021).

3. Hồ sơ mời thầu được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng dẫn đến vi phạm các nguyên tắc đấu thầu.

### **Điều 19. Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu**

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu được thể hiện thông qua tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu, bao gồm:

1. Căn cứ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm được phê duyệt theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được cập nhật hoặc bổ sung (nếu cần thiết). Trường hợp liên danh, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh; nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 30%, từng thành viên trong liên danh có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 15% trong liên danh.

#### 2. Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về kỹ thuật:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: đề xuất của nhà đầu tư về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án; đề xuất của nhà đầu tư về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ.

Đề xuất của nhà đầu tư về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án bao gồm các nội dung sau: chứng minh sự hiểu biết về hiện trạng; dự báo tăng trưởng sản lượng; mục tiêu của dự án theo quy hoạch được duyệt (nếu có); quy mô



dự án, phương án thiết kế; phương án kỹ thuật, công nghệ của dự án (nếu có); kế hoạch, tiến độ thực hiện dự án, thời gian xây dựng; phương án giảm thiểu tác động môi trường; đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng, nhà đầu tư phải có phương án phối hợp với Cơ quan quản lý đường bộ để làm việc với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và hoàn tất các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật; phương án kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật (thoát nước, môi trường) của dự án với hạ tầng chung của khu vực; lập phương án kiến trúc và bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trong phạm vi ranh giới dự án đảm bảo rõ ràng, phù hợp với hồ sơ mời thầu và các quy định pháp luật chuyên ngành giao thông đường bộ bằng kinh phí của nhà đầu tư; phương án về phòng cháy, chữa cháy; an ninh, an toàn giao thông; các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ theo quy định; thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.

Đề xuất của nhà đầu tư về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ bao gồm các nội dung sau: phương án bảo đảm đáp ứng các điều kiện kinh doanh (nếu có), khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ theo quy định của pháp luật về đường bộ; phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành của nhà đầu tư đáp ứng mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống đường bộ, hạ tầng khu vực; phương án phối hợp với Cơ quan quản lý đường bộ trong quá trình cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ của nhà đầu tư, bảo đảm an ninh, an toàn giao thông; phương án giám sát để bảo đảm cung cấp dịch vụ ổn định, liên tục, đạt chất lượng theo quy định.

#### b) Phương pháp đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, trong đó phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết. Khi xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật phải quy định mức điểm tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu nhưng không được thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật và điểm của từng nội dung yêu cầu về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án; về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành không thấp hơn 60% điểm tối đa của nội dung đó tùy thuộc vào quy mô, tính chất của từng dự án cụ thể.

Cơ cấu về tỷ trọng điểm tương ứng với các nội dung quy định tại điểm a khoản này phải phù hợp với từng dự án cụ thể nhưng phải bảo đảm tổng tỷ trọng điểm bằng 100%.

### 3. Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về tài chính:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính bao gồm: tiêu chuẩn về tổng chi phí thực hiện dự án (M1); tiêu chuẩn về giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M2); tiêu chuẩn về hiệu quả đầu tư (M3). Trong đó:

M1 là tổng chi phí thực hiện dự án do nhà đầu tư đề xuất trong hồ sơ dự thầu căn cứ nội dung (m1) được xác định trong hồ sơ mời thầu;

M2 là giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng do nhà đầu tư đề xuất trong hồ sơ dự thầu căn cứ nội dung (m2) được xác định trong hồ sơ mời thầu. Trường hợp mặt bằng đã được Nhà nước thu hồi hoàn toàn trước khi mời thầu lựa chọn Nhà đầu tư, giá trị (M2) = (m2) là giá trị Nhà đầu tư trúng thầu có trách nhiệm nộp trả lại cho Nhà nước theo giá trị Nhà nước đã chi trả để thu hồi, giải phóng mặt bằng.

Trường hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được Ủy ban nhân dân có thẩm quyền phê duyệt thấp hơn giá trị (M2) thì phần chênh lệch sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp cao hơn giá trị (M2) thì nhà đầu tư phải bù phần thiếu hụt, giá trị phần thiếu hụt được tính vào vốn đầu tư của dự án.

Nhà đầu tư sẽ được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền khấu trừ phần chênh lệch giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được phê duyệt vào các nghĩa vụ của Nhà đầu tư đối với Ngân sách nhà nước theo hồ sơ mời thầu và quy định của pháp luật.

M3 là giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền do nhà đầu tư đề xuất tại hồ sơ dự thầu trong thời gian vận hành khai thác dự án theo tiến độ và phương thức nộp quy định tại hồ sơ mời thầu, ngoài các nghĩa vụ khác của nhà đầu tư có trách nhiệm phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định hiện hành.

#### b) Phương pháp đánh giá về tài chính:

Sử dụng phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước để đánh giá về tài chính. Đối với các hồ sơ dự thầu được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì căn cứ vào đề xuất hiệu quả đầu tư để so sánh, xếp hạng. Hiệu quả đầu tư được đánh giá thông qua tiêu chí nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước bằng tiền, ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành (M3).

Nhà đầu tư có đề xuất tổng chi phí thực hiện dự án (M1) không thấp hơn (m1) ( $M1 \geq m1$ ); giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M2) không thấp hơn (m2) ( $M2 \geq m2$ ) đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng. Trường hợp mặt bằng đã được Nhà nước thu hồi hoàn toàn trước khi mời thầu lựa chọn Nhà đầu tư, giá trị (M2) = (m2) là giá trị Nhà đầu tư trúng thầu có trách nhiệm nộp trả lại cho Nhà nước theo giá trị Nhà nước đã chi trả giải phóng mặt bằng; giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành (M3) không thấp hơn giá trị m3 ( $M3 \geq m3$ ); Nhà đầu tư có giá trị (M3) cao nhất sẽ được xếp thứ nhất, được xem xét đề nghị trúng thầu theo các quy định liên quan của Thông tư này. Trường hợp có nhiều Nhà đầu tư có giá trị (M3) bằng nhau thì Nhà đầu tư có điểm kỹ thuật cao nhất đáp ứng yêu cầu sẽ được xem xét lựa chọn.

### Mục 3

#### TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

##### **Điều 20. Điều kiện phát hành hồ sơ mời thầu**

Hồ sơ mời thầu chỉ được phát hành để lựa chọn nhà đầu tư khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Đấu thầu.

##### **Điều 21. Mời thầu, phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu; gia hạn thời gian nộp hồ sơ dự thầu**

Việc mời thầu, phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu; gia hạn thời gian nộp hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung bởi khoản 11 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

##### **Điều 22. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, thay thế, rút hồ sơ dự thầu**

Việc chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, thay thế, rút hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

##### **Điều 23. Mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật**

Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

##### **Điều 24. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu**

Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

##### **Điều 25. Nguyên tắc làm rõ hồ sơ dự thầu**

Nguyên tắc làm rõ hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

### Mục 4

#### ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

##### **Điều 26. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật**

Việc đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung bởi khoản 12 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

##### **Điều 27. Thẩm định, phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật**

Việc thẩm định, phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung bởi khoản 13 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

## **Mục 5**

### **MỞ VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH**

#### **Điều 28. Mở hồ sơ đề xuất về tài chính**

1. Hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà đầu tư có tên trong danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được mở công khai theo thời gian, địa điểm ghi trong thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Biên bản mở thầu phải được gửi cho các nhà đầu tư tham dự thầu.

2. Đại diện Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng hồ sơ đề xuất tài chính.

#### **Điều 29. Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính**

1. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính, bao gồm:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính;
- b) Kiểm tra các thành phần của hồ sơ đề xuất về tài chính, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính; các thành phần khác thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính.

2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính:

Hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc hồ sơ đề xuất về tài chính;
- b) Có đơn dự thầu đề xuất về tài chính hợp lệ;
- c) Giá trị ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic, không đề xuất các giá trị khác nhau đối với cùng một nội dung hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Cơ quan có thẩm quyền, Bên mời thầu (bao gồm: tổng chi phí thực hiện dự án do nhà đầu tư đề xuất (M1); giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do nhà đầu tư đề xuất (M2) đối với dự án; đề xuất giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền, ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành (M3); đề xuất tăng giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành, nếu có);
- d) Hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

3. Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất về tài chính hợp lệ sẽ được đánh giá chi tiết về tài chính. Việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính và xếp hạng nhà đầu tư thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu.

4. Sau khi đánh giá hồ sơ dự thầu, tổ chuyên gia lập báo cáo gửi Bên mời thầu xem xét, phê duyệt. Trong báo cáo phải nêu rõ các nội dung sau đây:

- a) Danh sách xếp hạng nhà đầu tư;
- b) Danh sách nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại nhà đầu tư;
- c) Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý.

5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu báo cáo Cơ quan quản lý đường bộ cho phép nhà đầu tư xếp thứ nhất vào đàm phán sơ bộ hợp đồng để tạo thuận lợi cho việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng sau khi có kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

### **Điều 30. Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu**

Nhà đầu tư được đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có hồ sơ dự thầu hợp lệ.
2. Có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu.
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu.
4. Có giá trị đề nghị trúng thầu bao gồm các thành phần đáp ứng yêu cầu sau:
  - a) Có đề xuất tổng chi phí thực hiện dự án (M1) không thấp hơn (m1) được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu;
  - b) Có đề xuất giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án (M2) không thấp hơn (m2) được xác định trong hồ sơ mời thầu;
  - c) Có đề xuất giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành (M3) không thấp hơn giá sàn (m3) và cao nhất;
  - d) Trường hợp có nhiều Nhà đầu tư có cùng giá trị (M3), xem xét lựa chọn Nhà đầu tư có điểm kỹ thuật cao nhất;
  - đ) Các nhà đầu tư có điểm kỹ thuật đạt yêu cầu, có (M3) không nhỏ hơn (m3) sẽ được xếp vào danh sách đàm phán theo thứ tự từ thấp xuống cao quy định tại Điều 32 của Thông tư này.

**Mục 6**  
**TRÌNH, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG KHAI KẾT QUẢ**  
**LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ; ĐÀM PHÁN, HOÀN THIỆN**  
**VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

**Điều 31. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư**

1. Việc trình, thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện như sau:

a) Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, Bên mời thầu trình kết quả lựa chọn nhà đầu tư, trong đó nêu rõ ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia;

b) Kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải được thẩm định theo quy định tại Điều 36 của Thông tư này trước khi phê duyệt;

c) Kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải được phê duyệt bằng văn bản, căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

2. Trường hợp lựa chọn được nhà đầu tư trúng thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên dự án; mục tiêu, quy mô đầu tư của dự án;

b) Tên nhà đầu tư trúng thầu;

c) Tiến độ thực hiện dự án;

d) Địa điểm thực hiện dự án, diện tích, thời hạn thuê đất;

đ) Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư;

e) Tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất);

g) Tổng số tiền đề xuất nộp ngân sách nhà nước của nhà đầu tư theo tiến độ và phương thức yêu cầu trong hồ sơ mời thầu;

h) Các nội dung khác (nếu có).

3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu, trong văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu.

4. Sau khi có văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, Bên mời thầu phải đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 5 Thông tư này; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến các nhà đầu tư tham dự thầu trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:

a) Thông tin quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Danh sách nhà đầu tư không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư;

c) Kế hoạch đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn.

5. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư quyết định thành lập doanh nghiệp dự án để thực hiện dự án (sau đây gọi là doanh nghiệp dự án) hoặc trực tiếp thực hiện dự án. Việc tổ chức quản lý, hoạt động, giải thể doanh nghiệp dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư và hợp đồng dự án.

### **Điều 32. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng**

1. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, Bên mời thầu mời nhà đầu tư xếp thứ nhất đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư được mời đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng nhưng không đến hoặc từ chối đàm phán, hoàn thiện hợp đồng thì nhà đầu tư sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

2. Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

a) Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu;

b) Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ, sửa đổi hồ sơ dự thầu (nếu có) của nhà đầu tư;

c) Hồ sơ mời thầu.

3. Nguyên tắc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng

a) Không tiến hành đàm phán, hoàn thiện hợp đồng đối với các nội dung mà nhà đầu tư đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

b) Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không được làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu.

4. Nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng

a) Đàm phán, hoàn thiện về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ dự thầu có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Đàm phán về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của dự án;

c) Đàm phán về tiến độ bàn giao mặt bằng xây dựng; tiến độ nhà đầu tư chuyển giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng và giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền;

d) Đàm phán về kế hoạch triển khai đáp ứng điều kiện kinh doanh (nếu có), khai thác dịch vụ theo quy định của pháp luật về chuyên ngành đường bộ;

đ) Đàm phán trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng dự án và kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ trên các tuyến đường bộ và đường cao tốc;

e) Đàm phán về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, các bên tham gia tiến hành hoàn thiện dự thảo hợp đồng. Nhà đầu tư không được thay đổi, rút hoặc từ chối thực hiện các nội dung cơ bản đề xuất trong hồ sơ dự thầu đã được Bên mời thầu đánh giá đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, trừ trường hợp các thay đổi do nhà đầu tư đề xuất mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án.

6. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện với tất cả nhà đầu tư không thành công, Bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà đầu tư và mời nhà đầu tư xếp thứ tự tiếp theo vào đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện với các nhà đầu tư tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu.

### **Điều 33. Ký kết hợp đồng và công khai thông tin hợp đồng dự án**

1. Nguyên tắc ký kết hợp đồng:

a) Giá trị ký hợp đồng đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 30 của Thông này;

b) Chi phí thực hiện dự án; chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án do nhà đầu tư trúng thầu đề xuất trong hồ sơ dự thầu được ghi nhận tại hợp đồng;

c) Tiền thuê đất phải nộp xác định theo quy định của pháp luật về đất đai cộng với tiền nộp ngân sách nhà nước của nhà đầu tư trúng thầu đề xuất được công nhận là giá thị trường tại thời điểm cho thuê đất trong hợp đồng; trường hợp thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật có ảnh hưởng đến các chi phí này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, quy hoạch, nhà ở, kinh doanh bất động sản và các pháp luật khác có liên quan.

2. Việc ký kết hợp đồng thực hiện theo quy định tại các Điều 69, Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Luật Đấu thầu.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng dự án, Bên mời thầu có trách nhiệm công khai thông tin hợp đồng dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nội dung công khai thông tin sơ bộ gồm:

a) Tên dự án; số hiệu hợp đồng; thời điểm ký kết hợp đồng;

b) Tên, địa chỉ của Bên;

c) Tên, địa chỉ của nhà đầu tư;

d) Mục tiêu, quy mô của dự án;

đ) Tiến độ thực hiện dự án;

e) Địa điểm thực hiện dự án, diện tích, thời hạn thuê đất;



g) Tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất);

h) Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư;

i) Các nội dung khác (nếu có).

#### **Điều 34. Triển khai thực hiện dự án**

Sau khi hợp đồng được ký kết, Nhà đầu tư trúng thầu hoặc doanh nghiệp dự án có trách nhiệm:

1. Làm việc với Cơ quan quản lý đất đai của địa phương để hoàn thiện các thủ tục về thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng hoặc nộp giá trị (M2) đối với dự án đã được Nhà nước giải phóng mặt bằng theo hợp đồng.

2. Nộp giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M2) đối với dự án và giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền (M3) được đề xuất trong hồ sơ dự thầu theo tiến độ và phương thức đã được thỏa thuận tại hợp đồng và theo quy định tại phần 2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

3. Phối hợp với Cơ quan quản lý đường bộ để hoàn tất các thủ tục thu hồi đất, giao đất và các thủ tục cần thiết khác theo quy định của Luật Đất đai.

4. Triển khai thực hiện dự án theo quy định tại hợp đồng, pháp luật về đường bộ, đầu tư, xây dựng, đất đai, quy hoạch và các pháp luật khác có liên quan.

### **Chương V**

#### **NỘI DUNG THẨM ĐỊNH VÀ PHÂN CẤP THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT TRONG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

##### **Điều 35. Thẩm định hồ sơ mời thầu**

Hồ sơ và nội dung thẩm định hồ sơ mời thầu thực hiện như đối với thẩm định hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020.

##### **Điều 36. Thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư**

Hồ sơ và nội dung thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện tương tự như đối với thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 76 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020.

##### **Điều 37. Trách nhiệm của Cơ quan quản lý đường bộ**

1. Tổ chức quản lý, lập hồ sơ dự án theo quy định.

2. Thực hiện các nhiệm vụ của Cơ quan có thẩm quyền được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này; khoản 1 Điều 10; khoản 5 Điều 11; khoản 2 Điều 12; Điều 14; khoản 2 Điều 17; khoản 2 Điều 18, khoản 5 Điều 29 của Thông tư này

và thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan có thẩm quyền trong ký kết hợp đồng, quản lý vận hành, khai thác với Nhà đầu tư trúng thầu trong thời gian thực hiện hợp đồng.

3. Phê duyệt hồ sơ mời thầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và danh sách xếp hạng nhà đầu tư.

4. Tổ chức lựa chọn một đơn vị đáp ứng năng lực để làm Bên mời thầu hoặc thực hiện một số nhiệm vụ của Bên mời thầu.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác định sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (m2) đối với các dự án chưa giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc làm việc với cơ quan quản lý đã chi trả các chi phí để xác định giá trị (m2) trong trường hợp dự án đã giải phóng hoàn toàn mặt bằng theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này;

6. Lập phương án xác định giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3) trong hồ sơ mời thầu của dự án theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này.

7. Phối hợp với Cơ quan quản lý đất đai của địa phương để Cơ quan này chủ trì trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hoàn tất các thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về đất đai.

## **Chương VI**

### **XỬ LÝ TÌNH HUỐNG VÀ GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ TRONG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

**Điều 38. Xử lý tình huống trong lựa chọn nhà đầu tư và giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư**

Thực hiện theo quy định tại các Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25, khoản 26 Điều 89 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

**Điều 39. Lựa chọn nhà đầu tư qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia**

Việc lựa chọn Nhà đầu tư trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 40. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2023.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

**Điều 41. Tổ chức thực hiện**

1. Đối với các công trình dịch vụ chuyên ngành giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thể tham khảo các quy định tại Thông tư này để tổ chức thực hiện nhưng

phải tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa, bảo đảm mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Quản lý đầu tư xây dựng, Cục trưởng Cục đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục đường cao tốc Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông; Tạp chí giao thông;
- Lưu: VT, KCHT (5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Đình Thọ**